

VÍ DỤ TRONG *OXFORD FIRST DICTIONARY*

TRƯƠNG THỊ THU HÀ* - HOÀNG THỊ NHUNG**

Tóm tắt: Trong từ điển giải thích ngôn ngữ, ví dụ có vai trò bổ sung những nội dung mà lời định nghĩa khó có thể miêu tả được hay không thể miêu tả được. Để có cơ sở lý thuyết và thực tiễn về việc đưa ví dụ trong từ điển giải thích tiếng Việt nói chung, từ điển giải thích tiếng Việt dành cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em trong lứa tuổi học sinh tiểu học nói riêng, bài viết này tập trung nghiên cứu việc đưa ví dụ trong *Oxford First Dictionary*, cuốn từ điển giải thích tiếng Anh dành cho trẻ em từ 5 tuổi trở lên do Nhà xuất bản Đại học Oxford phát hành năm 2002 tại Italy.

Từ khóa: Ví dụ, từ điển dành cho học sinh tiểu học.

Abstract: In linguistic explanatory dictionaries, the examples play a role in supplementing content that is difficult or impossible to describe in the definition. In order to have a theoretical and practical basis for including examples in Vietnamese explanatory dictionaries in general, Vietnamese explanatory dictionaries for children, especially primary school children in particular, this article focuses on researching the inclusion of examples in the *Oxford First Dictionary*, an English explanatory dictionary for children aged 5 years and over, published by Oxford University Press in 2002 in Italy.

Keywords: Examples, dictionaries for primary school students.

1. Dẫn nhập

Trong cấu trúc vi mô của từ điển ngôn ngữ, ví dụ hay thí dụ là một yếu tố đặc biệt, được Zgusta coi là “một trong bốn “công cụ để miêu tả ý nghĩa từ vựng” của từ đầu

mục” [6, tr.97]. Cũng theo Zgusta, “Mục đích của các thí dụ là nói lên xem cái từ đầu mục hoạt động như thế nào khi kết hợp với các đơn vị từ vựng khác. Hầu hết đều có thể được minh họa bằng thí dụ: các sắc thái ngữ cảnh khác nhau, phạm vi các tác giả có tác phẩm mà có từ đầu mục xuất hiện, sự xuất hiện đầu tiên của từ, phạm vi ứng dụng, các kết hợp thuộc ngữ, các bổ ngữ điển hình của động từ, các kết hợp phó từ, những sự khác nhau có tính chất ứng dụng của các từ đồng nghĩa hoặc gần đồng nghĩa...” (dẫn theo [6, tr.97-98]). Ông còn nhận xét: “Tuyệt đại đa số các từ điển nêu thí dụ” (dẫn theo [6, tr.97-98]). “Trên thực tế, nhiều cuốn từ điển ngôn ngữ chỉ gồm các đầu mục và các thí dụ được sắp xếp theo trình tự nhất định. Chẳng hạn, từ điển đồng âm, từ điển trái nghĩa - đồng nghĩa tiếng Việt.” [6, tr.98]. Nói một cách khác, ví dụ có vai trò đặc biệt trong từ điển ngôn ngữ.

Oxford First Dictionary (Từ điển Oxford đầu tiên) do Nhà xuất bản Đại học Oxford phát hành là từ điển tiếng Anh thuộc loại hình từ điển giải thích ngôn ngữ dành cho trẻ em từ 5 tuổi trở lên. Cuốn từ điển do Evelyn Goldsmith biên soạn và Julie Park minh họa, được xuất bản lần đầu tiên năm 1993, tái bản lần thứ nhất năm 1997 với tiêu đề *My Oxford First Dictionary* (Từ điển Oxford đầu tiên của tôi) và được xuất bản lần đầu tiên với tiêu

* TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam; Email: truongthuha2008@yahoo.com

** TS - Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam

đề *Oxford First Dictionary* năm 2002. Từ đó đến nay, cuốn từ điển đã được tái bản nhiều lần ở các nơi trên thế giới. Các mục từ trong từ điển được giải thích chi tiết, súc tích, kèm hình ảnh minh họa với màu sắc sinh động, cuốn hút, phù hợp với khả năng cảm thụ ngôn ngữ (mà cụ thể ở đây là ngôn ngữ tiếng Anh) của trẻ em ở giai đoạn đầu tiểu học. Ví dụ có vai trò đặc biệt trong từ điển ngôn ngữ nói chung, từ điển ngôn ngữ dành cho trẻ em lứa tuổi tiểu học nói riêng. Tuy nhiên, cho đến nay các bài viết nghiên cứu các vấn đề này của từ điển ngôn ngữ nói chung, đặc biệt là các từ điển ngôn ngữ dành cho trẻ em vẫn còn hạn chế.

Vì vậy, nghiên cứu việc đưa ví dụ trong *Oxford First Dictionary* là một điều cần thiết. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần cung cấp cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho việc biên soạn từ điển tiếng Việt nói chung, từ điển tiếng Việt dành cho trẻ em nói riêng. Thêm vào đó, kết quả nghiên cứu có thể vận dụng vào biên soạn từ điển tiếng Việt dành cho trẻ em ở Việt Nam, loại sách tra cứu vẫn còn thiếu và yếu ở Việt Nam. Đó là lý do bài viết này tập trung nghiên cứu việc đưa ví dụ trong cuốn *Oxford First Dictionary* nói trên. Phiên bản từ điển được lựa chọn để nghiên cứu trong công trình này là phiên bản in năm 2002 tại Italy [7].

2. Ví dụ trong *Oxford First Dictionary*

2.1. Danh từ

Trong số 827 mục từ là danh từ với 937 định nghĩa trong *Oxford First Dictionary*, có tới 627 mục từ (chiếm 75,82%) không có ví

dụ. Trong đó, 4 mục từ là danh từ chuyển chú 1 định nghĩa (*bike* (xe đạp), *fridge* (tủ lạnh), *mice* (chuột), *teeth* (răng)), 572 mục từ là danh từ có 1 định nghĩa, 48 mục từ là danh từ có 2 định nghĩa và 3 mục từ là danh từ có 3 định nghĩa. Như vậy là có 677 (72,25%) định nghĩa danh từ không có ví dụ. Trong số các mục từ là danh từ còn lại, có 189 mục từ có 1 ví dụ (22,85%), 9 mục từ có 2 ví dụ (1,09%) và chỉ có 2 mục từ có 3 ví dụ (0,24%). Tổng cộng, mục từ là danh từ trong *Oxford First Dictionary* chỉ có 213 ví dụ (chiếm 25,76% so với số lượng mục từ và 22,73% so với số lượng định nghĩa).

Bảng 1. Số lượng ví dụ của mục từ là danh từ trong *Oxford First Dictionary*

Loại mục từ	Số lượng mục từ	Số lượng định nghĩa	Số lượng mục từ có				Số lượng ví dụ
			0 ví dụ	1 ví dụ	2 ví dụ	3 ví dụ	
Danh từ chuyển chú 1 định nghĩa	4	4	4	0	0	0	0
Danh từ 1 định nghĩa	722	722	572	150	0	0	150
Danh từ 2 định nghĩa	93	186	48	38	7	0	52
Danh từ 3 định nghĩa	7	21	3	1	2	1	8
Danh từ 4 định nghĩa	1	4	0	0	0	1	3
Tổng cộng	827	937	627	189	9	2	213
Tỉ lệ (%)	100	100	75,82	22,85	1,09	0,24	25,76/ 22,73

2.2. Động từ

Trong số 406 mục từ là động từ với 487 định nghĩa trong *Oxford First Dictionary*, có tới 98 mục từ (chiếm 24,14%) không có ví dụ. Trong đó, 1 mục từ là động từ chuyển chú 1 định nghĩa (*spun* (quay)), 89 mục từ là động từ có 1 định nghĩa, 7 mục từ là động từ có 2 định nghĩa và 1 mục từ là động từ có 3 định nghĩa. Như vậy là có 106 (21,77%) định nghĩa động từ không có ví dụ. Trong số các

mục từ là động từ còn lại, có tới 258 mục từ có 1 ví dụ (63,55%), 46 mục từ có 2 ví dụ (11,33%) và có 4 mục từ có 3 ví dụ (0,98%). Tổng cộng, mục từ là động từ trong *Oxford First Dictionary* chỉ có 362 ví dụ (chiếm 89,16% so với số lượng mục từ và 74,33% so với số lượng định nghĩa).

2.3. Tính từ

Trong số 183 mục từ là tính từ với 237 định nghĩa trong *Oxford First Dictionary*, có tới 53 mục từ (chiếm 28,96%) không có ví dụ. Trong đó, 45 mục từ là tính từ có 1 định nghĩa, 6 mục từ là tính từ có 2 định nghĩa và 2 mục từ là tính từ có 3 định nghĩa. Như vậy là có 63 (26,58%) định nghĩa tính từ không có ví dụ. Trong số các mục từ là tính từ còn lại, có tới 109 mục từ có 1 ví dụ (59,56%), 19 mục từ có 2 ví dụ (10,38%) và có 2 mục từ có 3 ví dụ (1,09%). Tổng cộng, mục từ là tính từ trong *Oxford First Dictionary* chỉ có 153 ví dụ (chiếm 83,61% so với số lượng mục từ và 64,56% so với số lượng định nghĩa).

2.4. Trạng từ

Trong số 11 mục từ là trạng từ với 13 định nghĩa trong *Oxford First Dictionary*, không có mục từ nào (chiếm 0,00%) không có ví dụ, có tới 10 mục từ có 1 ví dụ (90,91%) và 1

Bảng 2. Số lượng ví dụ của mục từ là động từ trong *Oxford First Dictionary*

Loại mục từ	Số lượng mục từ	Số lượng định nghĩa	Số lượng mục từ có				Số lượng ví dụ
			0 ví dụ	1 ví dụ	2 ví dụ	3 ví dụ	
Động từ chuyển chú 1 định nghĩa	85	85	1	84	0	0	84
Động từ chuyển chú 2 định nghĩa	10	20	0	0	10	0	20
Động từ chuyển chú 3 định nghĩa	1	3	0	0	0	1	3
Động từ 1 định nghĩa	248	248	89	159	0	0	159
Động từ 2 định nghĩa	55	110	7	14	34	0	82
Động từ 3 định nghĩa	7	21	1	1	2	3	14
Tổng cộng	406	487	98	258	46	4	362
Tỉ lệ (%)	100	100	24,14	63,55	11,33	0,98	89,16/74,33

Bảng 3. Số lượng ví dụ của mục từ là tính từ trong *Oxford First Dictionary*

Loại mục từ	Số lượng mục từ	Số lượng định nghĩa	Số lượng mục từ có				Số lượng ví dụ
			0 ví dụ	1 ví dụ	2 ví dụ	3 ví dụ	
Tính từ 1 định nghĩa	137	137	45	92	0	0	92
Tính từ 2 định nghĩa	38	76	6	15	17	0	49
Tính từ 3 định nghĩa	8	24	2	2	2	2	12
Tổng cộng	183	237	53	109	19	2	153
Tỉ lệ (%)	100	100	28,96	59,56	10,38	1,09	83,61/64,56

mục từ có 2 ví dụ (9,09%). Tổng cộng, mục từ là trạng từ trong *Oxford First Dictionary* có 12 ví dụ (chiếm 109,09% so với số lượng mục từ và 92,31% so với số lượng định nghĩa) (xem Bảng 4).

2.5. Giới từ

Cả 5 mục từ là giới từ với 5 định nghĩa

Bảng 4. Số lượng ví dụ của mục từ là trạng từ trong *Oxford First Dictionary*

Loại mục từ	Số lượng mục từ	Số lượng định nghĩa	Số lượng mục từ có				Số lượng ví dụ
			0 ví dụ	1 ví dụ	2 ví dụ	3 ví dụ	
Trạng từ 1 định nghĩa	9	9	0	9	0	0	9
Trạng từ 2 định nghĩa	2	4	0	1	1	0	3
Tổng cộng	11	13	0	10	1	0	12
Tỉ lệ (%)	100	100	0,00	90,91	9,09	0,00	109,09/92,31

trong *Oxford First Dictionary* không có mục từ nào (chiếm 0,00%) không có ví dụ, trong đó mỗi mục từ có 1 ví dụ (100,00%).

2.6. Đại từ

Mục từ duy nhất là đại từ với 1 định nghĩa trong *Oxford First Dictionary* không có ví dụ.

2.7. Hạn định từ

Mục từ duy nhất là hạn định từ với 1 định nghĩa trong *Oxford First Dictionary* có 1 ví dụ (100,00%).

Tóm lại, trong 1.434 mục từ của *Oxford First Dictionary*, có một mục từ vừa là tính từ vừa là trạng từ, có tất cả 1.681 định nghĩa (bao gồm cả các định nghĩa chuyên chú) chỉ có 746 ví dụ (chiếm 52,02% so với số lượng mục từ và 44,38% so với số lượng định nghĩa).

Bảng 5. Số lượng ví dụ trong *Oxford First Dictionary*

TT	Từ loại	Số lượng mục từ	Số lượng định nghĩa	Số lượng ví dụ	Tỉ lệ ví dụ/ mục từ (%)	Tỉ lệ ví dụ/ định nghĩa (%)
1.	Danh từ	827	937	213	25,76	22,73
2.	Động từ	406	487	362	89,16	74,33
3.	Tính từ	183	237	153	83,61	64,56
4.	Trạng từ	11	13	12	109,09	92,31
5.	Giới từ	5	5	5	100	100
6.	Đại từ	1	1	0	0	0
7.	Hạn định từ	1	1	1	100	100
Tổng cộng		1.434	1.681	746	52,02	44,38

3. Đặc điểm của ví dụ trong *Oxford First Dictionary*

Kết quả khảo sát *Oxford First Dictionary* cho thấy tất cả 746 ví dụ (100%) đều là các câu, không có ví dụ nào là cụm

từ (0%). Trong số 746 ví dụ là câu này chỉ có 34 ví dụ (4,56%) là hai câu, còn lại 712 ví dụ (95,44%) là một câu.

Trong số 34 ví dụ là hai câu có 30 ví dụ (88,24%) gồm 2 câu đơn, 1 ví dụ (2,94%) gồm 1 câu đơn và 1 câu ghép, 1 ví dụ (2,94%) gồm 1 câu ghép và 1 câu đơn, 2 ví dụ (5,88%) gồm 1 câu phức và 1 câu đơn. Trong đó, câu đơn (simple sentences) là câu chỉ có 1 mệnh đề chính (main clause), câu ghép (compound sentences) là câu có từ 2 mệnh đề chính trở lên được nối kết với nhau bằng các liên từ kết hợp (coordinating conjunctions) hay các trạng từ liên kết (conjunctive adverbs), câu phức (complex sentences) là câu có 1 mệnh đề chính nối kết với 1 mệnh đề phụ thuộc trở lên (subordinate clauses) bằng các liên từ phụ thuộc (subordinating conjunctions) [8].

“Thông thường, một mệnh đề được tạo thành từ một chủ ngữ, một cụm động từ và đôi khi là một bổ ngữ” [9]. Ví dụ:

- Ví dụ là 2 câu đơn:

+ **cool** (mát): *I'm so hot. I'd love a cool drink.* (Mình rất nóng. Mình muốn một cốc nước mát).

+ **bad** (xấu, tệ): *I can't eat that egg. It's bad.* (Mình không thể ăn quả trứng đó. Nó rất tệ).

- Ví dụ gồm 1 câu đơn và 1 câu ghép:

odd (kỳ cục, kỳ quặc): *That's odd! There was a cake on the table a minute ago and now it's gone.* (Thật kỳ quặc! Có cái bánh ở trên bàn cách đây một phút và bây giờ nó đã biến mất).

- Ví dụ gồm 1 câu ghép và 1 câu đơn:

class (lớp): *Look, there's Sam. He's in my class at school.* (Nhìn kia, có Sam kia. Cậu ấy học cùng lớp với tớ ở trường).

- Ví dụ gồm 1 câu phức và 1 câu đơn:

slow (chậm): *I'm sorry I'm late. My watch was slow.* (Tớ xin lỗi, tớ đến trễ. Đồng hồ của tớ bị chậm).

Trong số 712 ví dụ là một câu có 560 ví dụ (78,65%) là câu đơn, 36 ví dụ (5,06%) là câu ghép và 116 ví dụ (16,29%) là câu phức. Ví dụ:

- Ví dụ là 1 câu đơn:

+ **poor** (yếu, kém): *I can't see to read in this poor light.* (Mình không thể đọc được trong ánh sáng yếu thế này).

+ **shape** (hình, hình dạng, hình thù): *A ball has a round shape.* (Quả bóng có hình tròn).

- Ví dụ là 1 câu ghép:

+ **dive** (lặn): *I can swim, but I can't dive yet.* (Mình có thể bơi nhưng mình chưa thể lặn được).

+ **free** (tự do): *It was half term, so we were free to go and play on the swings.* (Lúc đó là giữa học kỳ rồi, vì thế chúng tớ được tự do đi chơi xích đu).

- Ví dụ là 1 câu phức:

+ **angry** (tức giận, giận dữ): *Dad was angry when I broke the window.* (Bố đã rất tức giận khi tớ làm vỡ cửa sổ).

+ **hand** (bàn tay): *Wash your hands before you eat.* (Hãy rửa tay trước khi ăn).

4. Kết luận

Trên đây là kết quả nghiên cứu *Oxford First Dictionary*, một cuốn từ điển tiếng Anh thuộc loại từ điển giải thích ngôn ngữ dành cho trẻ em lứa tuổi học sinh tiểu học.

Kết quả khảo sát cho thấy *Oxford First Dictionary* có tất cả 1.434 mục từ bao gồm 827 danh từ, 406 động từ, 183 tính từ, 11 trạng từ, 5 giới từ, 1 đại từ và 1 hạn định từ, trong đó có 1 mục từ vừa là trạng từ vừa là tính từ. Tổng cộng, *Oxford First Dictionary* có 1.169 định nghĩa, 746 ví dụ. Về ví dụ, mục từ là danh từ có 213 ví dụ, mục từ là động từ có 362 ví dụ, mục từ là tính từ có 153 ví dụ, mục từ là trạng từ có 12 ví dụ, mục từ là giới từ có 5 ví dụ, mục từ là đại từ không có ví dụ và mục từ là hạn định từ có 1 ví dụ. Trong số các nhóm từ loại, trạng từ có tỉ lệ ví dụ so với mục từ cũng như so với số lượng định nghĩa là cao nhất, tiếp đến là nhóm giới từ và hạn định từ, sau đó lần lượt là các nhóm động từ, tính từ, danh từ và cuối cùng là đại từ. Trong số 100 mục từ chuyển chú (4 mục từ là danh từ, 96 mục từ là động từ), mục từ không có lời định nghĩa có 89 mục từ (89%) (4 mục từ là danh từ (*bike* (xe đạp), *fridge* (tủ lạnh), *mice* (chuột), *teeth* (răng)) và 85 mục từ là động từ) vừa không có lời định nghĩa vừa không có ví dụ.

Kết quả khảo sát *Oxford First Dictionary* cũng cho thấy 100% ví dụ đều là các câu, không có ví dụ nào là cụm từ. Trong đó, 95,44% ví dụ là một câu và có tới 78,65% là câu đơn. Điều này sẽ giúp cho trẻ em cảm thụ ngôn ngữ một cách dễ dàng hơn.

Kinh nghiệm biên soạn trên có thể áp dụng để xây dựng cơ sở lý thuyết và thực tiễn cho việc đưa ví dụ vào công trình *Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học*¹. Theo đó, từ điển tiếng Việt dành cho trẻ em nên tăng cường ví dụ cho các mục từ. Căn cứ vào quy mô cũng như đối tượng mà từ điển hướng tới mà số lượng các ví dụ nói chung, số lượng ví

dự cho từng loại mục từ khác nhau có tỉ lệ phù hợp, cân đối sao cho đạt tới mục tiêu là biên soạn một công trình tra cứu ngôn ngữ hữu ích nhất cho trẻ em. Thêm vào đó, khi đưa ví dụ, từ điển dành cho trẻ em nên ưu tiên các ví dụ chỉ là một câu và đặc biệt là câu đơn, hạn chế đưa ví dụ gồm nhiều câu hay đưa ví dụ là câu ghép hay câu phức.

CHÚ THÍCH

¹ Đề tài cấp Bộ do TS. Hoàng Thị Nhung làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là Tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2023 - 2024.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trương Thị Thu Hà, “Mô hình định nghĩa động từ trong *Oxford First Dictionary*”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 6(74), tr.17-24, 2021.
- [2] Trương Thị Thu Hà, “Mô hình định nghĩa danh từ trong *Oxford First Dictionary*”, *Từ điển học và*

Bách khoa thư, số 2(76), tr.6-14, 2022.

- [3] Hoàng Thị Tuyền Linh, *Một số vấn đề về thông tin ngữ nghĩa trong từ điển giải thích*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Viện Ngôn ngữ học, Hà Nội, 2002.
- [4] Hoàng Thị Nhung, *Bản thảo Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2022.
- [5] Hoàng Thị Nhung, *Biên soạn Từ điển tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam, 2023.
- [6] Chu Bích Thu, “Một số nét khái quát về cấu trúc vi mô của từ điển giải thích (trên cơ sở tư liệu từ điển giải thích tiếng Việt)”, trong Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Viện Ngôn ngữ học, *Một số vấn đề Từ điển học*, tr.75-112, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997.
- [7] Goldsmith, E. (Author), Park, J. (Illustrator), *Oxford First Dictionary*, Oxford University Press, Italy, 2002.
- [8] <https://dictionary.cambridge.org/grammar/british-grammar/sentences>.
- [9] <https://dictionary.cambridge.org/grammar/british-grammar/clauses-and-sentences>.

⇒ Tiếp theo trang 9 (HƯỚNG TỚI BIÊN SOẠN TỪ ĐIỂN ĐỐI DỊCH VIỆT - ANH...)

tượng cụ thể, bài viết đã gợi ý cấu trúc vi mô và cấu trúc vĩ mô của *Từ điển đối dịch Việt - Anh dành cho người nước ngoài học tiếng Việt*. Với định hướng về mô hình cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô, chúng tôi hi vọng trong tương lai gần, công trình này được biên soạn và sớm xuất bản.

CHÚ THÍCH

¹ Đề tài cấp Bộ do TS. Bùi Thị Ngọc Anh và ThS. Nguyễn Thị Thu Hào làm Chủ nhiệm, Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam là Tổ chức chủ trì, thực hiện năm 2023 - 2024.

² Kết quả thống kê dựa trên ba nguồn: một là cuốn *Kiểm kê Từ điển học Việt Nam* của Vũ Quang Hào (2005); hai là Thư viện Quốc gia; ba là những cuốn mà chúng tôi sưu tập được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Lê Hoài Ân, “Thủ pháp sao phỏng dựa trên

cứ liệu một bản dịch văn học từ tiếng Đức sang tiếng Việt”, *Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài*, Tập 31 (2), tr. 8-21, 2015.

- [2] Lê Khả Kế, “Một vài suy nghĩ về từ điển song ngữ”, trong *Một số vấn đề từ điển học*, Nxb. Khoa học xã hội, tr. 266-278, 1997.
- [3] Hồ Hải Thụy, “Một số suy nghĩ nhân đọc một cuốn từ điển song ngữ hóa”, *Từ điển học và Bách khoa thư*, Số 1 (9), XIII-XVII, 2011.
- [4] Hartmann, R. R. K., and James, G., *Bilingual Lexicography, Dictionary of lexicography*, Routledge, London and New York, 2002.
- [5] Saleem, M. I., *Bilingual Lexicography: Some Issues with Modern English Urdu Lexicography - A User's Perspective*, Linguistik online 31, 2007.
- [6] Yong, H., and Peng, J., *Bilingual Lexicography from a Communicative Perspective (Volume 9), Terminology and Lexicography Research and Practice*, John Benjamins Publishing Company, 2007.
- [7] https://en.wikipedia.org/wiki/Bilingual_dictionary.